

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG
22 – THÀNH CÔNG – BA ĐÌNH – HÀ NỘI
Mã số thuế: 0102006610

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ I NĂM 2012

Hà nội, năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.448.958.364.091	2.285.702.711.398
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	1.956.038.991.043	1.832.998.668.219
Tiền	111		127.422.471.164	43.858.668.219
Các khoản tương đương tiền	112		1.828.616.519.879	1.789.140.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.4	136.496.536.560	122.796.831.460
Đầu tư ngắn hạn	121		175.419.600.819	191.707.642.649
Dự phòng giảm giá CK và đầu tư ngắn hạn (*)	129		(38.923.064.259)	(68.910.811.189)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.9	350.702.381.586	326.812.447.947
Phải thu khách hàng	131		145.500.000	112.500.000
Trả trước cho người bán	132		258.420.000	30.250.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		15.045.479.843	1.265.102.914
Các khoản phải thu khác	138		335.252.981.743	325.404.595.033
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.2	455.198.525	510.580.306
Công cụ, dụng cụ	143		455.198.525	510.580.306
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.265.256.377	2.584.183.466
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.187.256.377	1.371.893.806
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.179.889.660
Tài sản ngắn hạn khác	158		78.000.000	32.400.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.204.044.565	270.437.872.972
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Khoản phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		4.696.770.567	5.520.095.181
Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	3.076.604.151	3.362.540.410
- Nguyên giá	222		22.471.537.887	22.439.787.487
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(19.394.933.736)	(19.077.247.077)
Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.620.166.416	2.157.554.771
- Nguyên giá	228		7.033.462.200	7.033.462.200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.413.295.784)	(4.875.907.429)
Chi phí XDCB dở dang	230		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		250.577.202.000	257.155.202.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		250.577.202.000	257.155.202.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.930.071.998	7.762.575.791
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	547.976.943	680.332.510
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	5.8	3.725.969.152	3.426.117.378
Tài sản dài hạn khác	268		3.656.125.903	3.656.125.903
CỘNG	270		2.712.162.408.656	2.556.140.584.370

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
NỢ PHẢI TRẢ	300		151.913.740.500	57.402.996.176
Nợ ngắn hạn	310		151.774.386.375	57.263.642.051
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người bán	312		-	-
Người mua trả tiền trước	313		610.000.000	538.000.000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	14.428.959.215	1.371.861.011
Phải trả người lao động	315		743.930.381	3.685.455.833
Chi phí phải trả	316	5.11	864.375.056	500.831.020
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	225.807.038	119.805.187
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	5.12	125.941.201.423	42.067.575.738
Phải trả hộ cổ tức gốc và lãi trái phiếu	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.960.113.262	8.980.113.262
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
Nợ dài hạn	330		139.354.125	139.354.125
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	6.1	139.354.125	139.354.125
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.560.248.668.156	2.498.737.588.194
Vốn chủ sở hữu	410		2.560.248.668.156	2.498.737.588.194
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.025.000.000.000	2.025.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		444.716.419.000	444.716.419.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		326.672	326.672
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.530.413.994	13.530.413.994
Dự trữ theo pháp định			6.765.206.997	6.765.206.997
Dự trữ theo điều lệ công ty chứng khoán			6.765.206.997	6.765.206.997
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		77.001.508.490	15.490.428.528
CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.712.162.408.656	2.556.140.584.370

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
Vật tư chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
Ngoại tệ các loại	005	102,85	102,82
USD		102,85	102,82
Chứng khoán lưu ký	006	3.135.551.640.000	3.237.460.800.000
Chứng khoán giao dịch	007	2.795.983.600.000	1.807.447.040.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	29.642.990.000	40.416.220.000
Chứng khoán cầm cố	017	287.193.880.000	1.283.477.340.000
Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
Chứng khoán chờ thanh toán	028	21.319.950.000	7.026.500.000
Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	97.816.000.000
Chứng khoán chờ giao dịch	037	1.411.220.000	1.277.700.000
CK ký quỹ đảm bảo khoản vay		-	-
CK sửa lỗi giao dịch		-	-
Chứng khoán lưu ký Cty đại chứng chưa niêm yết	050	125.195.870.000	121.849.760.000
Chứng khoán giao dịch	051	10.423.130.000	8.538.130.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	113.311.630.000
Chứng khoán cầm cố	061	-	-
Chứng khoán tạm giữ	066	114.722.740.000	-
Chứng khoán chờ thanh toán	070	50.000.000	-
Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
Chứng khoán chưa lưu ký của Cty chứng khoán	083	103.692.500.000	107.430.000.000

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ NGỌC ANH



NGUYỄN THUÝ LINH



PHẠM VINH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm cho đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	01		78.312.261.949	90.135.887.232	78.312.261.949	90.135.887.232
Trong đó						
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01 1		1.923.221.755	1.215.071.020	1.923.221.755	1.215.071.020
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn	01 2		5.379.205.772	6.668.051.440	5.379.205.772	6.668.051.440
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01 3		-	-	-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01 4		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01 5		30.000.000	127.272.727	30.000.000	127.272.727
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01 6		405.302.940	401.937.839	405.302.940	401.937.839
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01 7		-	270.946.953	-	270.946.953
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01 8		178.218.609	881.800.461	178.218.609	881.800.461
Doanh thu khác	01 9		70.396.312.873	80.570.806.792	70.396.312.873	80.570.806.792
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		78.312.261.949	90.135.887.232	78.312.261.949	90.135.887.232
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		(2.084.058.134)	54.810.524.009	(2.084.058.134)	54.810.524.009
<i>Trong đó: Dự phòng giảm giá chứng khoán</i>			<i>(29.987.746.930)</i>	<i>35.211.061.200</i>	<i>(29.987.746.930)</i>	<i>35.211.061.200</i>
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		80.396.320.083	35.325.363.223	80.396.320.083	35.325.363.223
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.681.366.481	5.110.135.913	4.681.366.481	5.110.135.913
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.714.953.602	30.215.227.310	75.714.953.602	30.215.227.310
Thu nhập khác	31		-	-	-	-
Chi phí khác	32		-	-	-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.714.953.602	30.215.227.310	75.714.953.602	30.215.227.310
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		14.203.873.640	-	14.203.873.640	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61.511.079.962	30.215.227.310	61.511.079.962	30.215.227.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		303,76	149,2	303,76	149,2

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ NGỌC ANH

NGUYỄN THỦY LINH

PHẠM VĨNH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	1	1.137.314.323.338	115.396.918.953
Tiền chi hoạt động kinh doanh	2	(349.980.756.975)	(116.166.952.141)
Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	5	-	-
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	6	479.712.989.939	278.667.968.872
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	7	(412.815.759.053)	(216.015.422.605)
Tiền thu bán chứng khoán phát hành	8	-	-
Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	9	-	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(782.624.204.900)	(33.000.000)
Tiền chi trả cho người lao động	11	(7.752.808.736)	(7.068.952.156)
Tiền chi trả lãi vay	12	-	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	-	-
Tiền thu khác	14	357.850.072.953	28.779.034.370
Tiền chi khác	15	(363.219.956.825)	(3.939.064.455)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD chứng khoán</i>	20	58.483.899.741	79.620.530.838
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	23	(31.750.400)	-
Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	64.588.173.483	39.975.869.523
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	64.556.423.083	39.975.869.523
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành CP nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	123.040.322.824	119.596.400.361
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.832.998.668.219	1.768.949.316.108
<i>Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ do đánh giá lại cuối kỳ</i>	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.956.038.991.043	1.888.545.716.469

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





TRẦN THỊ NGỌC ANH

NGUYỄN THUÝ LINH

PHẠM VINH THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý I năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	T.M	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ			
		Năm trước		Năm nay		Năm trước		Năm nay	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1 Vốn đầu tư của CSH		2.025.000.000.000	2.025.000.000.000	-	-	-	-	2.025.000.000.000	2.025.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần		444.716.419.000	444.716.419.000	-	-	-	-	444.716.419.000	444.716.419.000
3 Vốn khác của CSH		-	-	-	-	-	-	-	-
4 Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại TS		-	-	-	-	-	-	-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		5.333.008	326.672	326.672	5.333.008	-	-	326.672	326.672
7 Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính		13.530.413.994	13.530.413.994	-	-	-	-	13.530.413.994	13.530.413.994
9 Các quỹ khác thuộc vốn CSH		-	-	-	-	-	-	-	-
10 Lợi nhuận chưa PP		(168.998.722.669)	15.490.428.528	184.489.151.197	-	63.234.036.698	1.722.956.736	15.490.428.528	77.001.508.490
Cộng		2.314.253.443.333	2.498.737.588.194	184.489.477.869	5.333.008	63.234.036.698	1.722.956.736	2.498.737.588.194	2.560.248.668.156

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

NGƯỜI LẬP



TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THUỶ LINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long là công ty cổ phần thành lập theo Luật Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01 tháng 8 năm 2006 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động theo Quyết định số 18/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 10 năm 2006. Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh được chấp thuận thành lập theo quyết định số 550/QĐ-UBCK ngày 26/8/2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trong quá trình hoạt động các thay đổi về vốn đầu tư và ngành nghề kinh doanh đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lần lượt chuẩn y tại Quyết định số 281/QĐ-UBCK ngày 27/4/2007; Quyết định số 314/QĐ-UBCK ngày 16/5/2007; Quyết định số 93/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007; Quyết định số 129/QĐ-UBCK ngày 20/5/2008; Quyết định số 188/QĐ-UBCK ngày 11/02/2009; Quyết định số 249/UBCK-GP ngày 14/07/2009; Quyết định số 277/UBCK - GP ngày 9/11/2009; Quyết định số 290/UBCK ngày 24/12/2009, Quyết định số 324/UBCK-GP ngày 25/5/2010.

Hoạt động chính của Công ty theo giấy phép điều chỉnh số 129/UBCK-GP ngày 28/5/2008 là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Trong Quý I năm 2012, không có hoạt động đáng kể nào làm thay đổi các chức năng hoạt động được cho phép.

Công ty được phép hoạt động trong thời gian 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 phố Thành Công quận Ba Đình thành phố Hà Nội và Chi nhánh tại Phòng 2 lầu 2 tòa nhà Centec Tower số 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6 Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 03 năm 2012 tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 100 người. Trong đó số cán bộ quản lý là 27 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý I năm 2012

3. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc tại ngày 31/12 năm dương lịch;

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc tại ngày 31/03/2012.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xử lý như sau:

- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ là: tiền mặt, tiền gửi, các khoản công nợ ngắn hạn (từ 1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được phản ánh tại mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán. Đầu kỳ sau, số dư sẽ được hạch toán ngược lại để xoá số dư.

- Đối với chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản công nợ dài hạn (lớn hơn 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.3. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý I năm 2012

4.3.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.3.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Ghi nhận theo giá gốc;

Phương pháp xác định giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết được trích lập cho từng loại chứng khoán tự doanh đã niêm yết có giá khớp lệnh tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch ngày 30 tháng 03 năm 2012 thấp hơn so với giá trên sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý I năm 2012

- Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết do không thu thập được thông tin đáng tin cậy về giá các loại chứng khoán này tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính và không có quy định cụ thể làm căn cứ pháp lý để trích lập dự phòng đối với các loại chứng khoán này.

4.5 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: phải trả Sở giao dịch chứng khoán tiền phí giao dịch chứng khoán, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán tiền phí lưu ký chứng khoán Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.6 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của Công ty khi phát hành lần đầu và phát hành bổ sung;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lãi (lỗ) lũy kế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty đến thời điểm báo cáo.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ được ghi nhận đầy đủ theo đúng chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán; Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn; Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán; Doanh thu hoạt động tư vấn; Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán; Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản và Doanh thu khác. Phương pháp xác định như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày.
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết), thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu.
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định khi thực hiện quyết toán với tổ chức phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý I năm 2012

- Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong kỳ tài chính.
- Doanh thu lưu ký chứng khoán là số phí Công ty được hưởng từ các hoạt động lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư.
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản là khoản tiền thu được từ hoạt động cho thuê nhà của Công ty.
- Doanh thu khác bao gồm: lãi tiền gửi, tiền lãi cho vay vốn, lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

4.8 Các nghĩa vụ thuế

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Giá trị tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và Thông tư số 72/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/8/2006 sửa đổi bổ sung thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp các nghĩa vụ về thuế của Công ty như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán không thuộc diện chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo. Trong thời hạn 10 năm kể từ khi thành lập, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%. Sau thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi nêu trên, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Công ty đã thực hiện chuyển toàn bộ số lỗ năm trước còn lại vào kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/03/2012.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý I năm 2012

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và tương đương tiền**

Đơn vị: VND

	31/03/2012	01/01/2012
Tiền mặt	111.484.968	65.704.171
Tiền gửi ngân hàng	127.310.986.196	43.792.964.048
<u>Trong đó:</u>		
<i>Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch CK</i>	<i>123.445.174.478</i>	<i>40.547.262.184</i>
Các khoản tương đương tiền	1.828.616.519.879	1.789.140.000.000
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	1.956.038.991.043	1.832.998.668.219

5.2 Hàng tồn kho

Đơn vị: VND

	31/03/2012	01/01/2012
Nguyên liệu vật liệu	-	-
Công cụ dụng cụ	455.198.525	510.580.306
Cộng	455.198.525	510.580.306

5.3 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Đơn vị: VND

	Khối lượng CK giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của Công ty chứng khoán	45.692.900	2.171.934.193.000
Cổ phiếu	41.892.200	737.521.693.000
Trái phiếu	3.800.700	1.434.412.500.000
Của người đầu tư	142.563.486	2.162.037.008.600
Cổ phiếu	137.763.486	1.662.390.308.600
Trái phiếu	4.800.000	499.646.700.000
Tổng cộng	188.256.386	4.333.971.201.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý I năm 2012

5.4 Tình hình đầu tư tài chính

5.4.1 Tình hình đầu tư tài chính

Tình hình đầu tư tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 của Công ty như sau:

I. Chứng khoán T/mại	6.968.803	6.477.673	106.419.600.819	116.707.642.649	3.870.425.940	3.864.516.140	38.923.064.259	68.910.811.189	71.366.962.500	51.661.347.600
Cổ phiếu	6.913.523	6.422.393	100.891.600.819	111.179.642.649	3.870.425.940	3.864.516.140	38.923.064.259	68.910.811.189	65.838.962.500	46.133.347.600
Trái phiếu	55.280	55.280	5.528.000.000	5.528.000.000	-	-	-	-	5.528.000.000	5.528.000.000
II. Chứng khoán đầu tư	9.816.450	10.190.200	250.577.202.000	257.155.202.000	-	-	-	-	250.577.202.000	257.155.202.000
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán	9.816.450	10.190.200	250.577.202.000	257.155.202.000	-	-	-	-	250.577.202.000	257.155.202.000
Cổ phiếu	9.816.450	10.190.200	250.577.202.000	257.155.202.000	-	-	-	-	250.577.202.000	257.155.202.000
Trái phiếu chính phủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu công ty	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu công ty	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III. Đầu tư góp vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV. Đầu tư tài chính khác	-	-	69.000.000.000	75.000.000.000	-	-	-	-	69.000.000.000	75.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	69.000.000.000	75.000.000.000	-	-	-	-	69.000.000.000	75.000.000.000

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý I năm 2012

5.4.2 Dự phòng giảm giá chứng khoán

	Số lượng	Giá trị gốc	Giá trị sổ sách giá trị thực tế	Tổng giá trị tài sản
Cổ phiếu niêm yết				
BIC	480.250	5.362.762.150	1.472.737.150	3.890.025.000
BVG	100.000	1.577.866.000	1.197.866.000	380.000.000
HDG	500.000	17.131.105.140	9.631.105.140	7.500.000.000
LHG	288.990	13.272.847.260	8.649.007.260	4.623.840.000
MBB	533.520	8.965.544.880	1.229.504.880	7.736.040.000
PGC	500.000	8.339.176.720	4.989.176.720	3.350.000.000
SRC	100.009	3.274.870.560	2.354.787.760	920.082.800
TMT	150.000	4.749.057.620	3.894.057.620	855.000.000
WSB	44.700	3.298.860.000	2.378.040.000	920.820.000
Cổ phiếu khác	4.160.981	34.168.241.829	3.126.781.729	31.041.460.100
Tổng cộng	6.858.450	100.140.332.159	38.923.064.259	61.217.267.900

5.5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị Quản lý	TSCĐ Khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	1.685.730.744	2.700.947.515	17.420.021.306	633.087.922	22.439.787.487
- Mua trong kỳ	-	-	31.750.400	-	31.750.400
Số dư cuối kỳ	1.685.730.744	2.700.947.515	17.451.771.706	633.087.922	22.471.537.887
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	855.824.811	923.972.263	16.918.956.175	378.493.828	19.077.247.077
- Khấu hao trong kỳ	59.624.313	56.702.547	172.182.495	29.177.304	317.686.659
Số dư cuối kỳ	915.449.124	980.674.810	17.091.138.670	407.671.132	19.394.933.736
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	829.905.933	1.776.975.252	501.065.131	254.594.094	3.362.540.410
Tại ngày cuối kỳ	770.281.620	1.720.272.705	360.633.036	225.416.790	3.076.604.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý I năm 2012

5.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VND

	<i>Phần mềm GD</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	7.033.462.200	-	-	7.033.462.200
- Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.033.462.200	-	-	7.033.462.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu năm	4.875.907.429	-	-	4.875.907.429
- Khấu hao trong năm	537.388.355	-	-	537.388.355
Số dư cuối kỳ	5.413.295.784	-	-	5.413.295.784
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	2.157.554.771	-	-	2.157.554.771
Tại ngày cuối kỳ	1.620.166.416	-	-	1.620.166.416

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: VND

	31/03/2012	01/01/2012
1 Chi phí công cụ dụng cụ	404.130.458	511.267.537
2 Chi phí trả trước dài hạn khác	143.846.485	169.064.973
Cộng	547.976.943	680.332.510

5.8 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Đơn vị: VND

	31/03/2012
1 Tiền nộp ban đầu	120.000.000
2 Tiền nộp bổ sung	3.598.995.761
3 Tiền lãi phân bổ trong năm	6.973.391
Cộng	3.725.969.152

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quý I năm 2012

5.9 Các khoản phải thu

1	Phải thu của khách hàng	112.500.000	-	-	521.855.008.170	521.822.008.170	-	-	145.500.000	-
2	Ứng trước cho người bán	30.250.000	-	-	321.510.500	93.340.500	-	-	258.420.000	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.265.102.914	-	-	586.212.252.678	572.431.875.749	-	-	15.045.479.843	-
-	Phải thu của Sở (TTGDCK)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	154.020.882	-	-	1.420.084.099	1.295.567.716	-	-	278.537.265	-
-	Phải thu KH về thuế TNCN từ HD chuyển nhượng CK	3.113.032	-	-	246.698.799	237.942.253	-	-	11.869.578	-
-	Phải thu tổ chức phát hành (Bảo lãnh phát hành) CK	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Phải thu TT lưu ký CK	1.107.969.000	-	-	584.545.469.780	570.898.365.780	-	-	14.755.073.000	-
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Phải thu khác	325.404.595.033	-	-	539.645.648.373	529.797.261.663	-	-	335.252.981.743	-
	Tổng cộng	326.812.447.947	-	-	1.648.034.419.721	1.624.144.486.082	-	-	350.702.381.586	-

Trong đó:

+ Số phải thu bằng ngoại tệ (qui ra USD): Không

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Địa chỉ: Số 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý I năm 2012**5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

		Đơn vị: VND	
		31/03/2012	01/01/2012
1	Thuế giá trị gia tăng	3.003.001	8.658.140
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.401.972.234	1.363.202.871
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.023.983.980	-
Cộng		14.428.959.215	1.371.861.011

5.11 Chi phí phải trả

		Đơn vị: VND	
		31/03/2012	01/01/2012
1	Phí lưu ký và chuyển khoản CK	200.830.840	178.840.726
2	Phí giao dịch chứng khoán	290.718.757	29.301.959
3	Lãi phải thanh toán cho nhà đầu tư	239.408.663	113.838.005
4	Chi phí phải trả khác	133.416.796	178.850.330
Cộng		864.375.056	500.831.020

5.12 Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

		Đơn vị: VND	
		31/03/2012	01/01/2012
1	Phải trả Sở GDCK	-	-
2	Phải vay quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	-	-
3	Phải trả về chứng khoán giao nhận, đại lý phát hành	-	-
4	Phải trả trung tâm LKCK	7.093.840.000	1.136.742.000
5	Phải trả tổ chức, cá nhân khác	118.847.361.423	40.930.833.738
Cộng		125.941.201.423	42.067.575.738

5.13 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

		Đơn vị: VND	
		31/03/2012	01/01/2012
-	Kinh phí công đoàn	120.945.900	101.796.600
-	Các khoản phải trả, phải nộp khác	104.861.138	18.008.587
Cộng		225.807.038	119.805.187

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Quý I năm 2012

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1 Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

		Đơn vị: VND	
		31/03/2012	01/01/2012
1	Các khoản tiền nhận ký quỹ ký cược	139.354.125	139.354.125
2	Các khoản khác	-	-
Cộng		139.354.125	139.354.125

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 31/03/2011.

Số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 31/03/2011.

7.2 Thông tin khác

Giải trình về việc kết quả kinh doanh Quý I/2012 biến động tăng hơn 10% so với Quý I/2011: Lợi nhuận sau thuế của công ty Quý I năm 2012 là 61.511.079.962 đồng, so với cùng kỳ năm 2011 là 30.215.220.310 đồng, tăng 103.58%. Nguyên nhân sự biến động trên là do trong Quý I năm 2012, thị trường chứng khoán tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái nên công ty được hoàn nhập một phần dự phòng giảm giá chứng khoán và hoạt động kinh doanh của công ty được cải thiện hơn.

NGƯỜI LẬP

TRẦN THỊ NGỌC ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THUỶ LINH

Ngày 16 tháng 4 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VINH THÀNH